TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 22/10/2018
V/v "xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng và ông Trần Hà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:*** Ông Lê Văn Hùng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc: "*Xin ly hôn".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1938; Có mặt.
2. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1974; Có mặt.
3. Ông Nguyễn Cao H, sinh năm 1971; Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Tấn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã A, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L bị bệnh u nan buồng trứng, ông T không quan tâm chăm sóc bà L và quản lý chặt về kinh tế, không chi tiền để chữa bệnh cho bà L. Do đó vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau, đến 12/2016 vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Hiện bà L sống ở nhà cha mẹ ruột, bà khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất của ông T, 02 con bò ông T đã bán 10.000.000 đồng, 01 xe Sirius ông T đã bán 11.500.000 đồng; 01 xe mô tô honda Futer F1 biển số 78H1–311.67 do ông T đứng tên trị giá 30.100.000 đồng.

Về nợ chung: vợ chồng có mượn của ông Nguyễn Đ (cha ruột bà L) 40.000.000 đồng, mượn ông Nguyễn Văn O (em ruột bà L) 20.000.000 đồng, mượn ông Nguyễn Cao H (anh rể bà L) số tiền 7.000.000 đồng.

Khi ly hôn yêu cầu Tòa chia đôi tài sản chung và nợ chung.

Theo các văn bản trình bày, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà L, và ông chấp nhận ly hôn.

Về con chung; không có.

Về tài sản chung: ông T thống nhất với lời trình bày của bà L là hai vợ chồng có tài sản chung là : 01 nhà cấp 4 xây dựng trên đất của ông T, 02 con bò ông T đã bán với giá 10.000.000 đồng, 01 xe sirius ông T đã bán với giá 11.500.000 đồng, nhưng tiền bán bò và xe ông T đã dùng để điều trị bệnh tim tại bệnh viện Lhiện nay chỉ còn 3.000.000 đồng. Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Future F1 biển số 78H1-311.67 ông T trình bày mua bằng tiền cá nhân trong thời gian bà L bị bệnh nên không chấp nhận là tài sản chung vợ chồng. Ông T không chấp nhận chia đôi tài sản khi ly hôn vì cho rằng bà L chỉ góp 28.800.000 đồng để xây nhà nên chỉ đồng ý trả lại 28.800.000 đồng. Ngoài ra, trong thời gian chung sống bà L có giữ 26 chỉ vàng y và 40.000.000 đồng là tài sản chung vợ chồng nhưng ông T không yêu cầu chia.

Về nợ chung: ông T thừa nhận có mua nợ ông Đ 02 con bò trị giá 30.000.000 và mượn 10.000.000 đồng của ông Đ, 7.000.000 đồng của ông Nguyễn Cao H để xây nhà; mượn ông Nguyễn Văn O 20.000.000 đồng thông qua ông Đ. Tuy nhiên số tiền này ông T biết được là tiền của bà L có trước hôn nhân đưa cho ông Đ và ông H đưa cho ông mượn để lừa dối ông nên ông T không chấp nhận trả nợ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn Văn O và ông Nguyễn Cao H trình bày: ông Đ, ông H, ông O xác định lời trình bày của bà L chính xác, yêu cầu vợ chồng ông T trả cho ông Đ 40.000.000 đồng, ông H 7.000.000 đồng, ông O 20.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 35, 147, 150 Luật TTDS 2015.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về tài sản chung:

Giao ông T được sở hữu các tài sản: 01 ngôi nhà 01 tầng, tường xây, mái lợp ngói và toàn bộ công trình phụ gắn liền với diện tích đất 198 m^2, tại thửa đất số 1178, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại P, A, T, Phú Yên. Số tiền 10.000.000 đồng bán bò, 11.500.000 đồng tiền bán 01 chiếc xe Sirius (do ông T đang quản lý). Tổng giá trị ông T được sở hữu là 143.311.850 đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị L được sở hữu 01 xe mô tô hiệu Honda Future F1 biển số 78H1-311.67 do ông T đứng tên có giá trị 30.100.000 đồng.

Buộc ông T phải thanh toán cho bà L số tiền 56.605.925 đồng về khoản chênh lệch tài sản chung và đồng thời giao chiếc xe mô tô hiệu Honda Future F1 biển số 78H1-311.67 cho bà L.

Về nợ chung: ông T và bà L cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Đ số tiền 40.000.000 đồng, ông Nguyễn Cao H số tiền 7.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn O số tiền 20.000.000 đồng.(Phần nghĩa vụ của mỗi người bằng nhau)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quy định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/6/2018, bị đơn ông Nguyễn Tấn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 26/6/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và thống nhất với bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên quan điểm trình bày và yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân được UBND xã A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2013, Quyển số 04/2013 ngày 05/4/2013. Tại đơn khởi kiện và các biên bản hòa giải bà L khẳng định mâu thuẫn với ông T trầm trọng không hàn gắn được nên yêu cầu xin ly hôn, ông Nguyễn Tấn T cũng đồng ý ly hôn. Tại đơn kháng cáo và phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn nhưng ông và gia đình vợ không hài hòa nên bà L không chịu về sống cùng ông. Xét thấy, vợ chồng mâu thuẫn với nhau từ cuối năm 2016, khi bà L bị bệnh K u nan buồng trứng và phải điều trị dài ngày và về sống với cha mẹ bà nhưng ông T không thể hiện sự quan tâm, chăm sóc và lo chi phí cho bà L trong thời gian điều trị, ông T có vài lần đến thăm nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở.

Về tài sản chung: Bà L và ông T thống nhất tài sản chung của vợ chồng bao gồm: một nhà cấp 4 gồm nhà và công trình phụ theo biên bản định giá ngày 09/4/2018 trị giá 121.811.850 đồng; 10.000.000 đồng tiền bán bò; 11.500.000 đồng tiền bán xe Sirius; 01 xe Honda Future F1 biển số 78H1-311.67 có giá trị 30.100.000 đồng. Tuy nhiên, ông T không chấp nhận chia đôi tài sản khi ly hôn vì cho rằng bà L chỉ góp 28.800.000 đồng để xây nhà nên chỉ đồng ý trả lại 28.800.000 đồng; số tiền bán bò và xe ông T đã dùng để chữa bệnh tim ở bệnh viện Lchỉ còn 3.000.000 đồng; 01 xe Honda Future F1 biển số 78H1-311.67 ông T cho rằng ông tự mua bằng tiền cá nhân của mình trong thời gian bà

L chữa bệnh nên không chấp nhận chia. Ngoài ra, ông T trình bày trong thời gian chung sống bà L có giữ 26 chỉ vàng y 24k và 40.000.000 đồng là tài sản chung vợ chồng nhưng ông T không yêu cầu chia.

Xét thấy, ông T trình bày rằng bà L chỉ đóng góp 28.800.000 đồng khi xây nhà và tiền mua xe Honda Future F1 biển số 78H1-311.67 của cá nhân ông T tự mua nhưng ông không có căn cứ chứng minh và bà L cũng không xác nhận lời trình bày của ông là đúng sự thật. Tiền bán bò và bán xe ông trình bày đã chi phí chữa bệnh tim cho ông ở bệnh viện L nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh về việc ông bị bệnh và điều trị, vì vậy không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T yêu cầu chia tài sản 26 chỉ vàng 24k và 40.000.000 đồng (hiện bà L đang giữ) là tài sản chung của vợ chồng và cho rằng ông mượn tiền của 02 người bà con với số tiền 4.500.000đ. Tại cấp sơ thẩm ông không yêu cầu chia tài sản chung 26 chỉ vàng 24K và 40.000.000 đồng (bà L đang giữ) là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu giải quyết hợp đồng vay tài sản nên tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, ở cấp phúc thẩm ông yêu cầu thì cấp phúc thẩm không thể giải quyết được. Vì vậy, ông T được quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

Ông T được nhận ngôi nhà, công trình phụ, số tiền bán 02 con bò và xe Sirius nên giá trị tài sản ông T nhận là 143.311.850 đồng. Giao cho bà L xe Honda Future F1 biển số 78H1-311.67 trị giá 30.100.000 đồng. Do chênh lệch giá trị nên ông T phải thanh toán cho bà L 56.605.925 đồng.

Về nợ chung: Ông T và bà L đều thừa nhận có mượn của ông Nguyễn Đ số tiền 40.000.000 đồng (trong đó 30.000.000 đồng tiền mua nợ 02 con bò, 10.000.000 đồng tiền mặt); mượn của ông Nguyễn Cao H số tiền 7.000.000 đồng và mượn ông Nguyễn Văn O 20.000.000 đồng (nhận thông qua ông Đ). Như vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, buộc vợ chồng ông T, bà L phải liên đới trả cho ông Nguyễn Đ số tiền 40.000.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Cao H số tiền 7.000.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn O số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn T, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 56, 59, 60 luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về tài sản chung:

Giao ông T được sở hữu các tài sản như sau: 01 (một) ngôi nhà 01 tầng, tường xây, mái lợp ngói và toàn bộ công trình phụ gắn liền với diện tích đất 198 m^2, tại Thửa đất số 1178, Tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* bán bò, 11.500.000 đồng (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền bán 01 chiếc xe Sirius (do ông T đang quản lý). Tổng giá trị ông T được sở hữu là 143.311.850 đồng *(Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm mười một nghìn tám trăm năm mươi đồng).*

Giao cho bà Nguyễn Thị L được sở hữu: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Future F1 biển số 78H1-311.67 do ông Nguyễn Tấn T đứng tên chủ xe có giá trị 30.100.000 đồng *(Ba mươi triệu một trăm nghìn đồng*) và 56.605.925 đồng *(Năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng)* do ông T thối lại về khoản chênh lệch tài sản chung.

Buộc ông T phải thanh toán cho bà L số tiền 56.605.925 đồng *(Năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng)* về khoản chênh lệch tài sản chung và giao chiếc xe mô tô hiệu Honda Future F1 biển số 78H1-311.67 cho bà L sở hữu.

Về nợ chung: Ông T và bà L cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Đ số tiền 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng*), ông Nguyễn Cao H số tiền 7.000.000 đồng *(Bảy triệu đồng)* , ông Nguyễn Văn O số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*. Phần nghĩa vụ của mỗi người bằng nhau.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu người thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS.

Về án phí: bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí HNGĐST, đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai số 0007223 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí HNGĐPT, đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tiền số 00077416 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn T mỗi người phải chịu 6.010.296 đồng *(Sáu triệu không trăm mười nghìn hai trăm chím mươi sáu đồng)* tiền án phí DSST. Hoàn cho ông Nguyễn Đ 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*, ông Nguyễn Cao H 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, ông Nguyễn Văn O 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai thu tiền số 0007310, 0007309, 0007308 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Về chi phí định giá: bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tấn T phải chịu mỗi người 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* chi phí định giá, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng định giá do bà L nộp trước. Do đó ông T phải hoàn trả cho bà L 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Thị Thu Hằng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: HSVA.